

Số: 55 /QĐ-VP

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị - Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh như các phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025 (đối với các nội dung thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2025).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng: Hành chính – Tổ chức, Quản trị - Tài vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại các phụ lục đính kèm và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- KBNN Khu vực XV;
- VPUB: Ban TV Đảng ủy, CVP, PCVP, TB TTND;
- Trang TTĐT Văn phòng;
- Lưu: VT, QTTV.hien70.



Nguyễn Quốc Việt

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (SAU SÁP NHẬP)



Đơn vị Văn phòng UBND tỉnh

Mã số: 1081600

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-VP ngày 22/7/2025 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Kinh phí
A	B	1
	Tổng dự toán chi NSNN	34.122
I	Chi quản lý hành chính (405-340-341)	28.243
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	15.996
	1. Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	15.096
	2. Tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)	1.194
	3. Kinh phí hoạt động theo định mức	4.404
	4. Kinh phí chuyển cho Sở Ngoại vụ	900
	- Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	757
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	143
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	12.247
b.1	Theo mục tiêu, nhiệm vụ	10.854
-	Hoạt động chung UBND tỉnh (bao gồm cả thuê mướn chăm sóc sân vườn, bảo vệ, bảo hiểm xe ô tô, PCCC)	5.780
-	Quỹ tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	631
-	Thuê chính lý tài liệu lưu trữ	882
-	Kinh phí đặc thù của Chủ tịch UBND tỉnh	240
-	Chi phục vụ Tết Nguyên Đán	60
-	Kinh phí hoạt động Trung tâm hội nghị	743
-	Kinh phí tổ chức Ngày Truyền thống Văn phòng nhân kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống Văn phòng	154
-	Kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025-2030	93
-	Kinh phí phục vụ hoạt động hội trường Ngọc Linh	218
-	Kinh phí phục vụ hoạt động Ban Tiếp công dân tỉnh	109
-	Thăm hỏi Tết nguyên đán	63
-	Kinh phí phục vụ công tác xã hội của các đồng chí Ủy viên BTVTU	100
-	Chỉnh trang bên trong và bên ngoài Hội trường Ngọc Linh để phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2025-2030 (triển khai thực hiện sau khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục và được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán theo quy định)	77
-	Kinh phí mua sắm trang thiết bị cần thiết để đảm bảo kết nối trực tuyến với điểm cầu Trụ sở Tiếp công dân Trung ương (mô hình Tiếp công dân trực tuyến tại tỉnh) (triển khai thực hiện sau khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục và được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và dự toán theo quy định)	10

Số TT	Nội dung	Kinh phí
-	Kinh phí hỗ trợ xây dựng mô hình "Dân vận khéo"	22
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế	1.670
b.2	Chi mua sắm sửa chữa tập trung	1.393
	Mua sắm xe ô tô phục vụ công tác chung (chủng loại xe mua sắm: 07 chỗ, 2 cầu)	1.393
II	Kinh phí sự nghiệp	5.879
1	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác (405-280-314)	5.879
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.879
-	Thuê dịch vụ phần mềm HT thông tin báo cáo cấp tỉnh, huyện và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	861
-	Thuê vận hành Cổng Thông tin điện tử tỉnh trên internet	586
-	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh	328
-	Chuyển đổi sang IPV6	200
-	Kinh phí thuê đường truyền giao ban trực tuyến để quản lý, vận hành hệ thống giao ban trực tuyến của tỉnh	177
-	Hoạt động Trang Thông tin điện tử thành phần Văn phòng UBND tỉnh	124
-	Mua sắm dịch vụ thực hiện việc hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công năm 2025	421
-	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh	903
-	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Kon Tum	1.153
-	Kinh phí thuê hệ thống thông tin báo cáo tỉnh giai đoạn 2022-2025	800
-	Kinh phí phục vụ công tác xúc tiến vận động viện trợ PCPNN	207
-	Thực hiện Kế hoạch ngoại giao văn hóa theo Kế hoạch hành động của tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện chiến lược ngoại giao văn hóa	101
-	Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác đối ngoại	18
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề (405-70-85)	207
-	Kinh phí thực hiện Kế hoạch Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ đối ngoại và ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội nhập quốc tế và ngoại vụ (Theo QĐ số 730/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh)	207
4	Sự nghiệp văn hoá thông tin (405-160-171)	291
-	Thực hiện Đề án thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	291

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (SAU SÁP NHẬP)

Đơn vị: Đảng ủy UBND tỉnh

Mã số: 1082652

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-VP ngày 22/7/2025 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Kinh phí
A	B	1
	Tổng dự toán chi NSNN	5.987
I	Chi quản lý hành chính (405-340-351)	5.987
a	Dự toán chi TX giao tự chủ (chi bộ máy)	2.650
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	2.248
2	Kinh phí hoạt động theo định mức	246
3	Tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)	156
b	Dự toán chi TX không giao tự chủ	3.337
1	Hoạt động chung của Đảng ủy UBND tỉnh	1.210
2	Chi hoạt động công tác đảng	2.128

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (SAU SÁP NHẬP)

Đơn vị: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi

Mã số: 1147604

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-KP ngày 22/7/2025 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Kinh phí
A	B	1
	Tổng dự toán chi NSNN	5.776
I	Chi quản lý hành chính (405-340-351)	4.637
a	Kinh phí giao quyền tự chủ	2.409
	1. Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (tính theo tiền lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)	1.700
	2. Tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động (theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022)	319
	3. Kinh phí hoạt động theo định mức	390
b	Kinh phí không giao quyền tự chủ	2.228
1	Kinh phí rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính	39
2	Kinh phí hoạt động T.tâm Phục vụ Kiểm soát thủ tục hành chính	1.976
3	Kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại Bộ phận Một cửa	96
4	Quỹ tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	118
II	Chi sự nghiệp kinh tế	1.139
a	Kinh phí chi thường xuyên	
b	Kinh phí chi không thường xuyên	1.139
1	Kinh phí hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ phận 1 cửa)	379
2	Kinh phí hoạt động cổng thông tin điện tử tỉnh	760

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (SAU SÁP NHẬP)

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh

Mã số: 1078283

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo Quyết định số 55 /QĐ-VP ngày 22/7/2025 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
A	B	1
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.319
I	Chi sự nghiệp kinh tế	1.319
a	Kinh phí chi thường xuyên	0
b	Kinh phí chi không thường xuyên	1.319
1	Chi bộ máy sự nghiệp	137
-	Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ	72
-	Quỹ tiền thưởng năm 2025 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ	65
2	Chi hoạt động sự nghiệp	1.182
-	Kinh phí hoạt động Trung tâm Dịch vụ Hành chính - Hội nghị tỉnh	1.182

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 (SAU SÁP NHẬP)

Đơn vị: Trung tâm Công báo và Tin học Quảng Ngãi

Mã số: 1103293

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo Quyết định số 55/QĐ-VP ngày 22/7/2025 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí
A	B	1
	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.257
I	Sự nghiệp Văn hóa Thông tin (405-160-171)	3.257
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.073
	- Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	931
	- Kinh phí hoạt động theo định mức	141
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.184
1	Nhiệm vụ cung cấp thông tin trên internet	1.983
2	Nhiệm vụ quản lý vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu và mạng LAN/WAN (Vận hành Trung tâm THDL)	201